SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TÂY NINH
TRƯỜNG THPT CHUYÊN HOÀNG LÊ KHA

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
Năm: 2024

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên cơ sở giáo dục: Trường THPT chuyên Hoàng Lê Kha.

2. Thông tin trụ sở

- Địa chỉ: số 368, đường Trường Chinh, Khu phố 6, Phường 3, TP. Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.

- Điện thoại: 0276.3822860.

- Email: c3hoanglekha.tayninh@moet.edu.vn.

- Website: http://www.hlk.edu.

3. Loại hình cơ sở giáo dục: Trường THPT công lập do Sở Giáo dục và Đào tạo quản lý trực tiếp.

4. Mục tiêu của cơ sở giáo dục: học sinh đạt kết quả tốt trong rèn luyện và học tập nhằm phát triển năng khiếu về một số môn học trên cơ sở bảo đảm giáo dục phổ thông toàn diện, tạo nguồn đào tạo nhân tài, đáp ứng yêu cầu phát triển của đất nước.

5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

Trường THPT chuyên Hoàng Lê Kha được thành lập theo Quyết định số 51/QĐ-UBND, ngày 12 tháng 7 năm 1994 của UBND tỉnh Tây Ninh. Lúc mới thành lập, trường có diện tích 9.439,7m2 tại địa chỉ số 23, đường Võ Thị Sáu, Phường 3, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh. Khi mới thành lập, cơ sở vật chất của trường chủ yếu tiếp quản từ cơ sở vật chất của Trường Trung học Sư phạm Tây Ninh cũ được xây dựng từ những năm 70 thế kỉ XX. Sau đó, cùng với sự phát triển của số lớp học, số HS tăng lên thì trường chuyên cũng được đầu tư xây dựng thêm mộtsố công trình như xây thêm dãy phòng học (năm 2001, năm 2004), thư viện, nhà thi đấu đa năng (năm 2002),…

Đến tháng 8/2018, sau khi được đầu tư xây dựng mới, Trường THPT chuyên Hoàng Lê Kha đã chuyển sang cơ sở mới có diện tích 32.541m2 tại địa chỉ số 368 đường Trường Chinh, Phường 3, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.

6. Thông tin người đại diện

- Họ và tên: Ngô Khắc Đức.

- Chức vụ: Hiệu trưởng.

- Điện thoại: 0986286440, 0888765440.

- Email: ngokhacduc.hlk@moet.edu.vn.

7. Tổ chức bộ máy (kèm file các quyết định)

a) Quyết định thành lập: Quyết định số 51/QĐ-UBND, ngày 12 tháng 7 năm 1994 của UBND tỉnh Tây Ninh.

b) Quyết định công nhận hội đồng trường, chủ tịch hội đồng trường và thành viên: Quyết định số 488/QĐ-SGDĐT, ngày 03/02/2021 và Quyết định số 516/QĐ-SGDĐT, ngày 05/02/2021 của Sở Giáo dục và Đào tạo.

c) Quyết định điều động, bổ nhiệm Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng

- Quyết định điều động, bổ nhiệm Hiệu trưởng: Quyết định số 4660/QĐ-SGDĐT, ngày 28/10/2022 của Sở Giáo dục và Đào tạo.

- Quyết định điều động, bổ nhiệm Phó Hiệu trưởng: Quyết định số 3236/QĐ-SGDĐT, ngày 31/12/2019 và Quyết định số 4930/QĐ-SGDĐT, ngày 15/12/2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo.

d) Quy chế tổ chức, hoạt động; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn: Quyết định số 1656/QĐ-UBND, ngày 05/9/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường trung học phổ thông chuyên Hoàng Lê Kha trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo.

e) Quy chế dân chủ cơ sở, kế hoạch giáo dục: Kế hoạch số 215/KH-HLK, ngày 10/9/2024 của Trường THPT chuyên Hoàng Lê Kha về Kế hoạch giáo dục năm học 2024-2025.

II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CBQL VÀ NHÂN VIÊN

1. Số liệu cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên

	Tổng số	Nữ	Dân tộc		Trình độ đào tạo			Ghi chú
			TS	Nữ	Thạc sĩ	Đại học	Cao đẳng	
Hiệu trưởng	1	0	0	0	1	0	0	
Phó hiệu trưởng	2	0	0	0	2	0	0	
Giáo viên	75	39	2	1	46	29	0	2 dân tộc Khơ-me
Nhân viên	12	7	0	0	1	2	4	Có 4 nhân viên hợp đồng theo Nghị định 111/2022/NĐ-CP
Cộng	**90**	**46**	**2**	**1**	**50**	**31**	**5**	Không tính 4 nhân viên hợp đồng theo Nghị định 111/2022/NĐ-CP

2. Chất lượng đội ngũ

- 100% đạt và trên chuẩn, tỷ lệ cán bộ quản lý và giáo viên trên chuẩn đạt 60%.

- Về cơ cấu chức danh nghề nghiệp (tính cán bộ quản lý và giáo viên): Viên chức hạng I: 01/78 (1,3%), viên chức hạng II: 38/78 (48,7%), viên chức hạng III: 39/78 (50%)

- Đánh giá chung: Đội ngũ cán bộ quản lý có năng lực chuyên môn, năng lực quản lý tốt, có tinh thần trách nhiệm cao, có nhiều giải pháp để xây dựng nhà trường phát triển

bền vững. Nhiều giáo viên tốt nghiệp loại giỏi, khá ở các trường đại học sư phạm uy tín, có năng lực chuyên môn vững vàng, năng động, tâm huyết với nghề.

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

1. Diện tích khu đất xây dựng trường: 32.541,0m^2

Diện tích bình quân tối thiểu cho một học sinh: khoảng 32,5m^2/học sinh

Đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định (Các trường nội thành, nội thị có diện tích ít nhất 6m^2/học sinh, các trường khu vực nông thôn có diện tích ít nhất 10m^2/học sinh): Trường thuộc khu vực nội thành (địa chỉ ở khu phố 6, phường 3, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh), có diện tích lớn hơn so với yêu cầu ít nhất 6m^2/học sinh.

Đối sánh số liệu với năm trước liền kề: không thay đổi.

2. Số lượng, hạng mục

2.1. Khối phòng hành chính quản trị:

- Phòng Hiệu trưởng: 01, diện tích 31m^2.
- Phòng Phó Hiệu trưởng: 02, diện tích phòng là 22m^2 và 18m^2.
- Phòng Kế toán và Thủ quỹ: 01, diện tích 13,5m^2.
- Phòng Hành chính (Văn phòng): 01, diện tích 34m^2.
- Phòng Hội đồng (phòng họp B): 01, diện tích 153m^2.

Đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định: đạt yêu cầu.

Đối sánh số liệu với năm trước liền kề: không thay đổi.

2.2. Khối phòng học tập:

- Phòng học: 39, diện tích mỗi phòng học là 67,5m^2.
- Phòng bộ môn: 12

Trong đó:

+ Tin học: 03, diện tích mỗi phòng là 85m^2.

+ Ngoại ngữ: 02, diện tích phòng là 102,5m^2 và 75,5m^2.

+ Vật lý: 02, diện tích mỗi phòng là 100,5m^2.

+ Hóa học: 02, diện tích mỗi phòng là 100,5m^2.

+ Sinh học: 02, diện tích mỗi phòng là 100,5m^2.

+ Công nghệ: 01, diện tích 102,5m^2.

Đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định: đạt yêu cầu.

Đối sánh số liệu với năm trước liền kề: có thay đổi tăng 01 phòng học do di dời đồ đạc phòng này (A1.1) đến kho mới ở sau nhà đa năng cất giữ.

2.3. Khối phòng hỗ trợ học tập:

- Thư viện: 01, diện tích 167m^2.

- Phòng thiết bị giáo dục (kết hợp làm phòng họp A): 01, diện tích 54m^2.

- Nhà đa năng (sân bóng chuyền, cầu lông, bóng bàn,…): 01, diện tích 829m^2 (chiếm 2,55% tổng diện tích sử dụng của trường)

Đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định: đạt yêu cầu.

Đối sánh số liệu với năm trước liền kề: không thay đổi.

2.4. Khối phụ trợ:

- Phòng hoạt động Đoàn thanh niên: 01, diện tích 32m^2.

- Phòng truyền thống: 01, diện tích 51m^2.

- Phòng Y tế học đường: 01, diện tích 22m^2.

- Phòng quản lý học sinh và tiếp dân: 01, diện tích 15m^2.

- Phòng nghỉ giáo viên: 01, diện tích 31m^2.

- Phòng Chi bộ và Công đoàn: 01, diên tích 31m^2.

- Phòng khảo thí: 01, diện tích 35m^2.

- Phòng tổ chuyên môn: 09 (01 phòng kết hợp kho dụng cụ ở nhà đa năng 50m^2, 02 phòng 39m^2/phòng, 06 phòng 17m^2/phòng).

- Phòng bảo vệ: 02, diện tích mỗi phòng là 9m^2.

- Nhà kho: 02 (01 bố trí ở tầng 3 khu hành chính diện tích 21m^2, 01 làm mới ở phía sau nhà đa năng)

- Khu vệ sinh giáo viên, nhân viên: 03 (mỗi khu nam, nữ riêng).

- Khu vệ sinh học sinh: 13 (mỗi khu nam, nữ riêng).

- Khu để xe của giáo viên, nhân viên: 01 (đi vào lối cổng trước).

- Khu để xe của học sinh: 01 (đi vào lối cổng sau).

Đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định: đạt yêu cầu.

Đối sánh số liệu với năm trước liền kề: có làm mới 01 nhà kho sau nhà đa năng; lấy 01 phòng ở tầng 3 khu hành chính diện tích 21m^2 làm phòng kho lưu trữ hồ sơ sổ sách, chuyển tổ chuyên môn Giáo dục thể chất-Giáo dục Quốc phòng và An ninh-Âm nhạc xuống kho dụng cụ ở nhà đa năng kết hợp làm phòng tổ chuyên môn.

2.5. Khu sân chơi, thể dục thể thao:

Khu sân chơi, bãi tập thể dục thể thao có diện tích 15.242m^2 (chiếm 46,84% tổng diện tích sử dụng của trường).

Khu sân chơi, bãi tập ngoài trời có 01 sân bóng đá mini, 01 sân bóng chuyền, 01 trụ bóng rổ, 01 hố cát với đường chạy cho học sinh nhảy xa,... Một số dụng cụ thể thao ngoài trời cũng được nhà trường vận động trang bị cho học sinh tập luyện như dụng cụ tập đi bộ lắc tay, dụng cụ tập đi bộ trên không, dụng cụ tập lưng – bụng, dụng cụ tập lưng – eo, dụng cụ tập xoay eo, dụng cụ tập đạp xe tại chỗ, dụng cụ tập kéo tay, dụng cụ tập tay – vai, dụng cụ đạp chân, dụng cụ xà đơn hai bậc.

Đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định có diện tích ít nhất bằng 25% tổng diện tích sử dụng của trường: Khu sân chơi, bãi tập thể dục thể thao của trường có diện tích lớn hơn so với yêu cầu.

Đối sánh số liệu với năm trước liền kề: không thay đổi.

2.6. Khối phục vụ sinh hoạt:

- Khu nội trú: 01 khu nam, 01 khu nữ. Mỗi khu có 01 phòng quản lý, 01 phòng sinh hoạt chung, 11 phòng ở. Tổng diện tích sàn xây dựng là 1.666,32m^2.

- Nhà ăn (Căng tin): 01, diện tích 453,25m^2.

Đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định: đạt yêu cầu.

Đối sánh số liệu với năm trước liền kề: không thay đổi.

2.7. Hạ tầng kỹ thuật:

- Hệ thống cung cấp nước sạch đáp ứng quy định tại khoản 1 và 3 Điều 5 Thông tư liên tịch số 13/2016/TTLT-BGDĐT-BYT ngày 15/05/2016 của Bộ GDĐT và Bộ Y tế quy định về công tác y tế trường học, cụ thể:

+ Sử dụng nguồn nước uống từ công ty cấp nước có đủ điều kiện cung cấp nước uống đóng chai theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia (QCVN 6-1: 2010/BYT) ban hành kèm theo Thông tư số 34/2010/TT-BYT ngày 02/06/2010 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với nước uống đóng chai.

+ Sử dụng nguồn nước sinh hoạt theo quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia (QCVN 02: 2009/BYT) ban hành kèm theo Thông tư số 05/2009/TT-BYT ngày 17/06/2009 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với nước sinh hoạt.

- Hệ thống thoát nước của trường đảm bảo vệ sinh môi trường, đặc biệt nước thải của khu bếp, nhà ăn (căng tin) được thiết kế xả qua bể lọc xong mới thải ra ngoài theo hệ thống thoát nước. Nhà trường sử dụng nước giếng khoan phục vụ nhu cầu sinh hoạt thông thường, còn có hợp đồng nước cấp thủy phục vụ cho nấu ăn. Nhà trường còn sử dụng nước uống bằng bình lọc loại lớn cho giáo viên, nhân viên sử dụng

- Hệ thống thoát nước, thu gom và xử lý chất thải đáp ứng quy định tại khoản 3 Điều 5 Thông tư liên tịch số 13/2016/TTLT-BGDĐT-BYT ngày 15/5/2016 của Bộ GDĐT và Bộ Y tế quy định về công tác y tế trường học, cụ thể: Nhà trường có hệ thống cống rãnh thoát nước mưa, nước thải sinh hoạt, không để nước ứ đọng xung quanh trường lớp; có hệ thống thoát nước riêng cho khu vực căng tin, nhà vệ sinh. Nhà trường có hợp đồng công ty có đủ điều kiện thu gom, xử lý chất thải, rác thải sinh hoạt theo quy định. Thùng rác có nắp đậy để đựng và phân loại rác thải, có thùng đựng rác thải y tế riêng. Thực hiện đúng theo quy định về việc phân loại, thu gom, vận chuyển và xử lý rác trong nhà trường.

- Hệ thống cấp điện: trường sử dụng điện 3 pha, đảm bảo đủ công suất và an toàn phục vụ hoạt động của trường.

- Hệ thống phòng cháy, chữa cháy: đảm bảo theo quy định hiện hành.

- Hạ tầng công nghệ thông tin, liên lạc: có camera, hệ thống mạng được bố trí khu hành chính, các dãy phòng học, khu nội trú; có điện thoại bàn để liên lạc đảm bảo phục vụ các hoạt động của nhà trường.

Đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định: đạt yêu cầu.

Đối sánh số liệu với năm trước liền kề: không thay đổi.

3. Số thiết bị dạy học hiện có

Nhà trường có trang bị đầy đủ các thiết bị dạy học đáp ứng được yêu cầu tối thiểu cho việc dạy và học của nhà trường.

Các phòng học, phòng học bộ môn đều được trang bị đầy đủ các thiết bị dạy học theo quy định như các dụng cụ thí nghiệm, bàn ghế, tủ, bảng, quạt, đèn chiếu sáng theo quy định. Các phòng học đều được trang bị thêm tivi gắn trên bảng hoặc tivi màn hình tương tác loại lớn. Riêng các phòng học bộ môn có trang bị máy tính xách tay, tivi gắn trên bảng. Có 155 máy vi tính phục vụ học tập.

Đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định: đạt yêu cầu.

Đối sánh số liệu với năm trước liền kề: không thay đổi.

4. Danh mục sách giáo khoa sử dụng trong cơ sở giáo dục đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; danh mục, số lượng xuất bản phẩm tham khảo tối thiểu đã được cơ sở giáo dục lựa chọn, sử dụng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo

DANH MỤC SÁCH GIÁO KHOA LỚP 12

STT	Môn học	Tên bộ sách	Tổng chủ biên/ Chủ biên	Tên Nhà xuất bản	Ghi chú
1	Toán 12	Chân trời sáng tạo	Trần Nam Dũng	Giáo dục Việt Nam	
2	Vật lý 12	Chân trời sáng tạo	Phạm Nguyễn Thành Vinh, Phùng Việt Hải	Giáo dục Việt Nam	
3	Hóa học 12	Chân trời sáng tạo	Cao Cự Giác	Giáo dục Việt Nam	
4	Sinh học 12	Chân trời sáng tạo	Tống Xuân Tám	Giáo dục Việt Nam	
5	Ngữ văn 12	Chân trời sáng tạo	Nguyễn Thành Thi	Giáo dục Việt Nam	
6	Lịch sử 12	Cánh Diều	Đỗ Thanh Bình	Công ty Cổ phần Đầu tư Xuất bản - Thiết bị giáo dục Việt Nam (Đơn vị liên kết: Nhà xuất bản Đại học Sư phạm)	
7	Địa lý 12	Cánh Diều	Lê Thông	Công ty Cổ phần Đầu tư Xuất bản - Thiết bị giáo dục Việt Nam (Đơn vị liên kết: Nhà xuất bản Đại học Sư phạm)	
8	Giáo dục Kinh tế và pháp luật 12	Cánh Diều	Nguyễn Thị Mỹ Lộc	Công ty Cổ phần Đầu tư Xuất bản - Thiết bị giáo dục Việt Nam (Đơn vị liên kết: Nhà xuất bản Đại học Huế)	
9	Giáo dục thể chất 12	Kết nối tri thức với cuộc sống	Trịnh Hữu Lộc Nguyễn Duy Quyết	Giáo dục Việt Nam	
10	Giáo dục QPAN 12	Cánh Diều	Nguyễn Thiện Minh	Đại học Sư phạm	
11	Tin học 12 (hướng ứng dụng, lớp chuyên theo hướng lập trình)	Kết nối tri thức với cuộc sống	Phạm Thế Long	Giáo dục Việt Nam	
12	Công nghệ 12 (Nông nghiệp)	Cánh Diều	Nguyễn Tất Thắng	Công ty Cổ phần Đầu tư Xuất bản - Thiết bị giáo dục Việt Nam (Đơn vị liên kết: Nhà xuất bản Đại học Sư phạm)	
13	Hoạt động Trải nghiệm, hướng nghiệp 12	Chân trời sáng tạo 1	Đinh Thị Kim Thoa	Giáo dục Việt Nam	
14	Tiếng Anh 12	Global Success	Hoàng Văn Vân	Giáo dục Việt Nam	
15	Mỹ thuật 12				
16	Âm nhạc 12	Chân trời sáng tạo	Hồ Ngọc Khải	Giáo dục Việt Nam	

DANH MỤC SÁCH GIÁO KHOA LỚP 11

STT	Môn học	Tên bộ sách	Tổng chủ biên/ Chủ biên	Tên Nhà xuất bản	Ghi chú
1	Toán 11	Chân trời sáng tạo	Trần Nam Dũng	Giáo dục Việt Nam	
2	Vật lý 11	Chân trời sáng tạo	Phạm Nguyễn Thành Vinh, Phùng Việt Hải	Giáo dục Việt Nam	
3	Hóa học 11	Chân trời sáng tạo	Cao Cự Giác	Giáo dục Việt Nam	
4	Sinh học 11	Chân trời sáng tạo	Tống Xuân Tám	Giáo dục Việt Nam	
5	Ngữ văn 11	Chân trời sáng tạo	Nguyễn Thành Thi	Giáo dục Việt Nam	
6	Lịch sử 11	Cánh Diều	Đỗ Thanh Bình	Đại học Sư phạm)	
7	Địa lý 11	Cánh Diều	Lê Thông	Đại học Sư phạm)	
8	Giáo dục Kinh tế và pháp luật 11	Cánh Diều	Nguyễn Thị Mỹ Lộc	Đại học Huế	
9	Giáo dục thể chất 11	Kết nối tri thức với cuộc sống	Trịnh Hữu Lộc Nguyễn Duy Quyết	Giáo dục Việt Nam	
10	Giáo dục QPAN 11	Cánh Diều	Nguyễn Thiện Minh	Đại học Sư phạm	
11	Tin học 11 (hướng ứng dụng, lớp chuyên theo hướng lập trình)	Kết nối tri thức với cuộc sống	Phạm Thế Long	Giáo dục Việt Nam	
12	Công nghệ 11 (Công nghiệp)	Cánh Diều	Nguyễn Tất Thắng	Đại học Huế	
13	Hoạt động Trải nghiệm, hướng nghiệp 11	Chân trời sáng tạo 1	Đinh Thị Kim Thoa	Giáo dục Việt Nam	
14	Tiếng Anh 11	Global Success	Hoàng Văn Vân	Giáo dục Việt Nam	
15	Mỹ thuật 11				
16	Âm nhạc 11				

DANH MỤC SÁCH GIÁO KHOA LỚP 10

STT	Môn học	Tên bộ sách	Tổng chủ biên/ Chủ biên	Tên Nhà xuất bản	Ghi chú
1	Toán 10	Chân trời sáng tạo	Trần Nam Dũng	Giáo dục Việt Nam	
2	Vật lý 10	Chân trời sáng tạo	Phạm Nguyễn Thành Vinh, Phùng Việt Hải	Giáo dục Việt Nam	
3	Hóa học 10	Chân trời sáng tạo	Cao Cự Giác	Giáo dục Việt Nam	
4	Sinh học 10	Chân trời sáng tạo	Tống Xuân Tám	Giáo dục Việt Nam	
5	Ngữ văn 10	Chân trời sáng tạo	Nguyễn Thành Thi	Giáo dục Việt Nam	
6	Lịch sử 10	Cánh Diều	Đỗ Thanh Bình	Đại học Sư phạm	
7	Địa lý 10	Cánh Diều	Lê Thông	Đại học Sư phạm	
8	Giáo dục Kinh tế và pháp luật 10	Cánh Diều	Nguyễn Thị Mỹ Lộc	Đại học Huế	
9	Giáo dục thể chất 10	Kết nối tri thức với cuộc sống	Trịnh Hữu Lộc Nguyễn Duy Quyết	Giáo dục Việt Nam	
10	Giáo dục QPAN 10	Cánh Diều	Nguyễn Thiện Minh	Đại học Sư phạm	
11	Tin học 10 (hướng ứng dụng, lớp chuyên theo hướng lập trình)	Kết nối tri thức với cuộc sống	Phạm Thế Long	Giáo dục Việt Nam	
12	Công nghệ 10 (công nghiệp)	Cánh Diều	Nguyễn Tất Thắng	Nhà xuất bản Đại học Sư phạm	
13	Hoạt động Trải nghiệm, hướng nghiệp 10	Chân trời sáng tạo 1	Đinh Thị Kim Thoa	Giáo dục Việt Nam	
14	Tiếng Anh 10	Global Success	Hoàng Văn Vân	Giáo dục Việt Nam	
15	Mỹ thuật 10				
16	Âm nhạc 10				

- Link đăng thông tin: http://hlk.edu.vn/hoat-dong-cm/thong-bao-danh-muc-sgk-nam-hoc-2024-2025-140825

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

1. Đơn vị tổ chức thực hiện tự đánh giá từ tháng 10/2020 đến tháng 4/2021 và đến tháng 6/2021, đơn vị được Sở Giáo dục và Đào tạo công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục Cấp độ 3 (Quyết định số 1825/QĐ-SGDĐT ngày 01/6/2021 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc công nhận Trường THPT chuyên Hoàng Lê Kha đạt kiểm định chất lượng giáo dục); được Ủy ban nhân tỉnh công nhận đạt chuẩn quốc gia Mức độ 2 (Quyết định số 1326/QĐ-UBND ngày 23/6/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh công nhận Trường THPT chuyên Hoàng Lê Kha đạt chuẩn quốc gia Mức độ 2).

2. Năm học 2024-2025, đơn vị xây dựng kế hoạch cải tiến nâng cao chất lượng sau tự đánh giá. Nội dung của kế hoạch tập trung khác phục những hạn chế, nâng cao chất lượng từng tiêu chí, tiêu chuẩn; giữ vững kết quả đạt được (kiểm định chất lượng đạt cấp độ 3). Đối với cấp độ 4: đơn vị không đạt. Đơn vị chỉ đạt 3/6 tiêu chí (tiêu chí 2,3,6), không đạt 3/6 tiêu chí (tiêu chí 1,4,5).

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

1. Kết quả xếp loại hoc tập, rèn luyện HK1 năm học 2024-2025

1.1. Học tập

**** 998/998 HS xếp loại Đạt trở lên: 100%***

Khối	TSHS	Tốt		Khá		Đạt		Chưa đạt		Từ Đạt ↗	
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
10	289	248	85,81	40	13,84	1	0,35	0	0	289	100
11	359	325	90,53	34	9,47	0	0	0	0	359	100
12	350	312	89,14	38	10,86	0	0	0	0	350	100
TC	**998**	**885**	**88,68**	**112**	**11,22**	**1**	**0,1**	**0**	**0**	**998**	**100**

1.2. Rèn luyện

**** 998/998 HS đạt rèn luyện khá tốt, tỉ lệ 100%;***

Khối	TSHS	Tốt		Khá		Đạt		Chưa đạt		Từ Khá ↗	
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
10	289	288	99,65	1	0,35	0	0	0	0	289	100
11	359	358	99,72	1	0,28	0	0	0	0	359	100

Khối	TSHS	Tốt		Khá		Đạt		Chưa đạt		Từ Khá ↗	
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
12	350	349	99,71	1	0,29	0	0	0	0	350	100
TC	**998**	**995**	**99,70**	**3**	**0,30**	**0**	**0**	**0**	**0**	**998**	**100**

1.3. Trao học bổng cho học sinh các lớp chuyên: Học bổng HK1: **631** (K12: 236, K11: 218 , K10: 177); Số tiền: 631 * 0.3 * 2.340.000đ * tháng = **1.771.848.000đ**.

2. Công tác bồi dưỡng học sinh giỏi

- Học sinh giỏi vòng tỉnh: đạt 112 giải, gồm 7 giải nhất, 37 giải nhì, 40 giải ba, 28 giải khuyến khích. Tăng 15 giải so với năm học 2023-2024.

- Học sinh giỏi vòng khu vực, quốc gia:

3. Công tác nghiên cứu khoa học, hoạt động ngoại khóa

3.1. Nghiên cứu khoa học

- Tổ chức Cuộc thi sáng tạo khoa học, kỹ thuật cấp trường: 12 dự án. Chọn 09 dự án tham gia cấp tỉnh.

- Viết chuyên đề bồi dưỡng học sinh giỏi: 18 chuyên đề cấp trường, 9 chuyên đề cấp khu vực (Khu vực Duyên hải và Đồng bằng Bắc bộ, Trại hè Phương Nam).

- Viết sáng kiến nâng cao chất lượng dạy và học, công tác chủ nhiệm, hoạt động đoàn thể: 22 sáng kiến cấp cơ sở và cấp tỉnh.

- Tổ chức các hội thi nghiên cứu khoa học: Bắn tên lửa nước, cuộc thi robocon.

3.2. Hoạt động ngoại khóa, CLB

- Câu lạc bộ của Tổ toán: Tìm hiểu về các nhà Toán học (Hóa trang, diễn trích đoạn ngắn)

- CLB Bóng chuyền: Giải bóng chuyền liên khối.

- CLB Âm nhạc: tổ chức các buổi biểu diễn, giao lưu âm nhạc vào giờ ra chơi trong tuần lễ chuẩn bị Kỷ niệm 30 năm thành lập trường.

- CLB Nhiếp ảnh: Cuộc thi nhiếp ảnh Giáo viên tôi yêu.

- CLB Sinh học: Đấu trường sinh học.

- Môn Tin học: Giải đấu Robocon ORC.

- Tổ Ngữ văn đã tổ chức hoạt động ngoại khóa với chủ đề "Trường THPT chuyên Hoàng Lê Kha trong tôi".

- Hoạt động ngoại khóa:

+ Hoạt động Trải nghiệm toàn trường: 02 chủ đề “Xây dựng tình bạn đẹp”; “Trách nhiệm với gia đình”

+ GV, HS nhà trường tham quan, tìm hiểu Di tích lịch sử Khám đường Tây Ninh, Di tích cơ sở tỉnh ủy Tây Ninh, Di tích lịch sử nhà lưu niệm Cơ sở tỉnh ủy Tây Ninh và viếng mộ AHLS Hoàng Lê Kha tại nghĩa trang Liệt sỹ Châu Thành.

+ Tập thẩy thầy, cô, nhân viên hoạt động về nguồn tại trung ương cục miền nam, khu tưởng niệm Liệt sỹ ngành GD tại Đồi 82 Tân Biên.

4. Tổ chức hội thảo chuyên đề về chuyên môn, dạy học các môn Khoa học tự nhiên bằng tiếng Anh

- Nhà trường đã chủ trì tổ chức 9 hội thảo chuyên đề về tổ chức và quản lý các hoạt động giáo dục trong nhà trường; nâng cao chất lượng hoạt động các tổ chuyên môn, chất lượng dạy và học, thực hiện CTGDPT 2018 với sự tham gia của các trường trung học phổ thông trong tỉnh nhằm chia sẻ những giải pháp và kết quả thực hiện nhiệm vụ.

- Tổ chức dạy 25 tiết các môn Toán, Vật lý, Hóa học, Sinh học, Tin học bằng tiếng Anh.

5. Nghiên cứu vận dụng phù hợp, hiệu quả chương trình giáo dục và các phương pháp quản lý, dạy học, kiểm tra, đánh giá tiên tiến; thúc đẩy triển khai giáo dục về khoa học, công nghệ, kỹ thuật, nghệ thuật và toán học trong giáo dục phổ thông

- Kiểm tra, đánh giá: Xây dựng ngân hàng câu hỏi, vận dụng kiểm tra trên máy tính bằng Hệ thống dạy học trực tuyến (vnEdu LMS) do VNPT cung cấp.

- Triển khai giáo dục về khoa học, công nghệ, kỹ thuật, nghệ thuật và toán học trong giáo dục phổ thông cho học sinh khối 12. Tiếp cận đề thi đánh giá năng lực của Đại học Quốc gia TP.HCM hằng năm.

6. Thư viện số

Xây dựng, quản lý và sử dụng hiệu quả hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu phục vụ cho việc quản lý, giáo dục và đánh giá chất lượng, hiệu quả hoạt động của nhà trường. Khai thác hiệu quả Thư viện số, thư viện DibK12.

7. Đổi mới phương pháp dạy và học, kiểm tra, đánh giá

7.1. Hiệu quả ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, giảng dạy, học tập, kiểm tra, đánh giá:

- Trong quản lý:

+ Nhà trường sử dụng phần mềm quản lý trường học vnEdu do VNPT Tây Ninh cung cấp giúp theo dõi sĩ số, học lực/học tập, hạnh kiểm/rèn luyện, học bạ điện tử, báo cáo nhanh và chính xác. Sử dụng chữ ký số, mộc số, số hóa các loại hồ sơ, sổ sách (ngoại trừ các loại hồ sơ phải thực hiện lưu bản giấy theo quy định).

+ Sử dụng hiệu quả các kênh thông tin như website, face page, facebook, nhóm zalo; nền tảng họp trực tuyến như zoom, google meet giúp tiết kiệm thời gian, thuận tiện trong chỉ đạo điều hành.

+ Lưu trữ và xử lý văn bản hành chính điện tử, sử dụng chữ ký số, phần mềm quản lý công văn giúp giảm giấy tờ, hiện đại hóa công tác hành chính.

- Trong giảng dạy, học tập:

+ Đổi mới phương pháp dạy học, nâng cao chất lượng giảng dạy: Giáo viên nhà trường đã kết hợp sử dụng hiệu quả các phần mềm (PowerPoint, Canva, Quizizz, Wordwall, Padlet...) để thiết kế bài giảng sinh động, trực quan, tạo hứng thú cho học sinh.

+ Tổ chức dạy học linh hoạt trên các nền tảng như Google Meet, Zoom, Microsoft Teams khi cần thiết. Khai thác kho học liệu số (Bộ GDĐT, OLM...) để cập nhật nội dung dạy học phong phú, phù hợp với Chương trình GDPT 2018.

+ Nâng cao hiệu quả ứng dụng CNTT trong học tập của học sinh: Phát triển năng lực tự học và kỹ năng công nghệ: Học sinh sử dụng máy tính, điện thoại thông minh để truy cập bài học, làm bài tập, tra cứu kiến thức…; Tham gia các hoạt động học tập trực tuyến, các cuộc thi trên mạng Internet giúp rèn kỹ năng sử dụng công nghệ và tinh thần tự học.

+ Năm 2024, triển khai trang thư viện số DlibK12 tại địa chỉ https://thpt-hoanglekha.tayninh.dlib.vn, giúp học sinh có nguồn tài liệu số tham khảo.

- Trong kiểm tra, đánh giá:

+ Nâng cao hiệu quả trong kiểm tra, đánh giá học sinh: Đổi mới hình thức và công cụ đánh giá; Sử dụng Google Forms, Azota, ClassMarker... để tổ chức kiểm tra trắc nghiệm khách quan, đánh giá quá trình; Kết hợp sử dụng hình thức chấm bài trực tuyến, nhận xét và phản hồi nhanh chóng, thuận tiện; Triển khai thực hiện việc theo dõi tiến độ học tập, sự tiến bộ của học sinh qua phần mềm quản lý lớp học, học bạ điện tử…

+ Áp dụng hệ thống dạy và học trực tuyến vnEdu LMS do VNPT Tây Ninh cung cấp (tích hợp trên website của đơn vị tại địa chỉ http://www.hlk.edu.vn). Đặc biệt, đã triển khai kiểm tra trực tuyến trên máy vi tính (từ 2023 đến nay đã thực hiện kiểm tra trên máy tính một số môn như Lịch sử, Địa lý, GDKT&PL, Tin học).

7.2. Đổi mới chương trình, nội dung, phương pháp dạy học

- Việc triển khai Chương trình giáo dục phổ thông 2018 ở các cấp học

+ Triển khai đầy đủ các văn bản chuyên môn, hướng dẫn của cấp trên về việc triển khai và thực hiện chương trình GDPT 2018.

+ Xây dựng một cách khoa học chương trình môn học tự chọn, chuyên đề học tập, chương trình chuyên sâu, giúp học sinh có thể tiếp cận, định hướng nghề nghiệp và chuẩn bị tốt cho kỳ thi tốt nghiệp và các kì thi học sinh giỏi.

+ Quán triệt tinh thần đổi mới giáo dục đối với tập thể giáo viên, qua đó đã áp dụng phù hợp các phương pháp dạy học tích cực giúp học sinh chủ động, sáng tạo hơn trong việc tiếp thu kiến thức thông qua tổ chức các hoạt động nhóm, thảo luận, bài tập thực hành giúp học sinh phát triển khả năng tư duy phản biện và sáng tạo; Tăng cường hoạt động trải nghiệm: Hoạt động ngoại khóa, tham quan thực tế, các chương trình học tập ngoài giờ chính khóa được chú trọng nhằm phát triển kỹ năng sống và rèn luyện đạo đức, nhân cách cho học sinh.

+ Học sinh có sự tiến bộ rõ rệt về phẩm chất, năng lực học tập, tự tin thể hiện bản thân. Kết quả kiểm tra, đánh giá học sinh theo năng lực và phẩm chất đã thể hiện sự khác biệt tích cực so với các phương pháp đánh giá truyền thống.

- Việc đổi mới nội dung, phương pháp, hình thức tổ chức dạy học theo hướng phát triển phẩm chất và năng lực cho học sinh

+ Đổi mới phương pháp nội dung, dạy học theo phương châm "Dạy học lấy học sinh làm trung tâm"; khuyến khích học sinh tham gia vào quá trình học tập qua các hoạt động nhóm, thảo luận, thuyết trình, dự án, các bài tập tình huống giúp phát triển khả năng làm việc nhóm, kỹ năng giải quyết vấn đề và tư duy sáng tạo...

+ Đổi mới phương pháp giảng dạy theo hướng tạo cơ hội cho học sinh khám phá kiến thức, phát triển tư duy độc lập và kỹ năng giải quyết vấn đề.

+ Ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học: Giáo viên sử dụng các phần mềm dạy học, công cụ trực tuyến như Google Classroom, Zoom, Kahoot, Quizizz... để tạo môi trường học tập hấp dẫn, tương tác cao. Việc sử dụng các công cụ công nghệ giúp học sinh học tập dễ dàng hơn, phát triển các kỹ năng số, tăng cường khả năng làm việc trực tuyến.

- Việc ứng dụng các phương pháp giảng dạy tiên tiến, tích cực

Đổi mới hình thức tổ chức dạy học thông qua dạy học theo mô hình lớp học linh hoạt: Các hoạt động học được tổ chức linh hoạt, học sinh có thể học cả trên lớp và ngoài lớp qua các dự án thực tế, thí nghiệm, tham quan, ngoại khóa; Tổ chức các hoạt động nhóm, lớp học trải nghiệm, các buổi hội thảo, sự kiện ngoại khóa giúp học sinh phát triển toàn diện; Học tập kết hợp giữa trên lớp và ngoài lớp: các bài học lý thuyết được kết hợp với các hoạt động thực tế, giúp học sinh có cơ hội áp dụng kiến thức vào thực tiễn; Các chương trình ngoại khóa, thí nghiệm, thực hành tại các phòng học chức năng được nhà trường và các Tổ chuyên môn tổ chức thường xuyên, tạo cơ hội cho học sinh trải nghiệm và phát triển kỹ năng tích cực.

VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

1. Công khai chi tiết tài chính.

a. Nguồn ngân sách

Nội dung/ nguồn chi	Dự toán thu năm 2024	Dự toán chi năm 2024
Dự toán năm trước chuyển sang	125.418.928	
Dự toán giao	24.707.650.000	
Dự toán bổ sung	2.192.399.000	
Dự toán thu	**27.025.467.928**	
Tổng chi (I+II)		**26.872.328.341**
I. Kinh phí thường xuyên/tự chủ		**22.133.983.928**
Tiền lương		7.746.161.357
Tiền công trả cho vị trí lao động thường xuyên theo hợp đồng		279.924.360
Phụ cấp lương		9.099.126.397

Nội dung/ nguồn chi	Dự toán thu năm 2024	Dự toán chi năm 2024
Các khoản đóng góp (theo lương)		2.244.895.336
Tiền thưởng		164.034.000
Chi lập các quỹ		905.479.710
Thanh toán dịch vụ công cộng		191.612.596
Thông tin, tuyên truyền, liên lạc		24.116.002
Công tác phí		181.623.250
Chi phí thuê mướn		27.573.100
Sửa chữa, duy tu tài sản phục vụ công tác chuyên môn		9.000.000
Vật tư văn phòng		28.399.016
Chi phí nghiệp vụ CM của từng ngành		1.138.072.504
Chi công tác Đảng		49.189.600
Chi khác		44.776.700
II. Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ		**4.738.344.413**
Học bổng học sinh		3.144.150.000
Tiền thưởng theo NĐ 73		452.831.537
Công tác phí		155.275.000
Chi phí thuê mướn		84.808.000
Chi phí nghiệp vụ CM của từng ngành		664.377.076
Chi khác (tiền tết)		58.800.000
Mua sắm bàn ghế		178.102.800
Kinh phí giảm trong năm		**153.139.587**
Dự toán bị hủy (kinh phí thường xuyên)		72.000.000
Dự toán bị hủy (kinh phí không thường xuyên)		77.547.200
Dự toán bị hủy (kinh phí không thường xuyên)		1.389.924
Dự toán bị hủy (kinh phí không thường xuyên) Tiền thưởng		2.202.463

2. Công khai chính sách và kết quả thực hiện chính sách hàng năm về trợ cấp và miễn giảm học phí đối với người học thuộc diện được hưởng chính sách xã hội năm 2024 – 2025: Không có.

3. Công khai số dư quỹ tiền mặt và tiền gửi tại kho bạc, ngân hàng ngày 31/12/2024

TT	*Nội dung*	*ĐVT*	*Số tiền*	*Ghi chú*
1	Số dư quỹ tiền mặt	Đồng	0	
2	Số dư dự toán kho bạc	Đồng	0	
3	Số dư tiền gửi tại ngân hàng	Đồng	1.072.759.257	Gồm các loại quỹ

4. Công khai số dư các loại quỹ tại kho bạc:

TT	*Nội dung*	*ĐVT*	*Số tiền*	*Ghi chú*
1	Quỹ dự phòng ổn định thu nhập	Đồng	228.828.429	
2	Quỹ phúc lợi	Đồng	142.899	
3	Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp	Đồng	24.110.690	
4	Quỹ khen thưởng	Đồng	639.993	

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH HÀ TĨNH
TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG CHUYÊN HOÀNG LÊ KHA

Ngô Khắc Đức